



yùn dòng yuán
运 动 员

Noun · athlete

Example Sentences

tā shì yì míng tián jìng yùn dòng yuán
他是一名田径运动员。

He is a track and field athlete.

zhè wèi yùn dòng yuán měi tiān xùn liàn hěn cháng shí jiān
这位运动员每天训练很长时间。

This athlete trains for a long time every day.

yùn dòng yuán zhèng zài liàn xí lā gōng
运动员正在练习拉弓。

The athlete is practicing drawing the bow.

Trace each character, then write the word on your own.

运	运	运	运	运	运	运	运	运	运
动	动	动	动	动	动	动	动	动	
员	员	员	员	员	员	员	员	员	员